

Bản án số: 29/2017/DS-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung.

2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thanh Mai -Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36A/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh 1949 “có mặt”

Nơi cư trú: Thôn Già Khê, xã T1, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Thôn Già Khê, xã T1, huyện N, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và trong các lời khai, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Do là chỗ hàng xóm, gần nhà nên từ năm 2001 đến năm 2005 bà đã nhiều lần cho chị H vay tiền. Các lần vay đều làm giấy biên nhận vay tiền và thỏa thuận thời hạn T toán. Tổng số tiền gốc chị H còn nợ là 23.270.000đ. Cụ thể các lần vay như

sau:

Ngày 16/8/2001 âm lịch chị H có vay của tôi số tiền 8.600.000đ hạn đến ngày 16/10/2001 sẽ T toán trả

Ngày 21/12/2001 chị H vay tiếp số tiền 1.220.000đ hạn ngày 26/12/2001 sẽ T toán trả.

Ngày 01/7/2002 vay 6.700.000đ hạn đến ngày 15/10/2002 T toán trả.

Ngày 30/12/2002 vay 1.000.000đ hạn đến ngày 06 tết T toán trả.

Ngày 24/10/2014 chị H vay 5.750.000đ đây là số tiền mua xóp còn nợ lại và hạn 1 năm T toán trả.

Đến thời hạn T toán nhưng chị H không T toán trả bà được ít tiền gốc nào nên bà đã đòi nhiều lần nhưng chị H không chịu T toán trả tiền bà.

Trong quá trình điều tra và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà yêu cầu chị H T toán tiền nợ gốc mà không yêu cầu tính lãi.

Đến ngày 08/8/2017 và tại phiên tòa ngày 21/9/2017 bà nộp đơn yêu cầu tính lãi của số tiền vay kể từ năm 2001 đến tháng 6/2017 là 80.722.000đ tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày: Về lãi suất chậm thi hành án bà yêu cầu chị H trả bà theo mức lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thi hành.

Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm láng giềng với nhau nên từ những năm 2001 đến năm 2005 thì chị có nhiều lần vay tiền và mua xóp của bà T và anh Cường con trai bà T. Tuy nhiên đến tháng 12/2006 chị đã T toán cho bà T còn nợ lại 5.000.000đ tiền gốc và đã viết giấy biên nhận trong giấy biên nhận ghi rõ các giấy trước tháng 12 năm 2006 và sau tháng 12 năm 2006 không có giá trị và đến ngày 20/12/2015 chị đã T toán trả cho bà T được 2.500.000đ hạn bà đến 28/12/2015 sẽ trả hết nợ, tuy nhiên đến hạn chị vẫn chưa T toán trả được bà T số tiền trên. Hiện còn nợ lại bà T 2.500.000đ tiền gốc và 5.750.000đ là tiền mua xóp nợ từ năm 2005 nhưng chưa T toán được nên viết giấy nhận nợ năm 2014. Nay bà T khởi kiện đòi chị số tiền nợ gốc 23.270.000đ chị không đồng ý mà chỉ đồng ý T toán trả bà T tổng số nợ còn lại là 8.250.000đ, do điều kiện khó khăn nên chị xin được trả dần.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng anh Nguyễn Văn Tiến là chồng chị Nguyễn Thị H trình bày: Anh là chồng chị H việc chị H vay mượn bà T như thế nào anh không biết và không liên quan gì nên anh xin từ chối tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471, 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015.

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà T buộc chị H phải T toán trả cho bà T số tiền nợ gốc còn lại là 8.250.000đ.

Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]*Về thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa hợp lệ cho chị Nguyễn Thị H hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy quyền lợi của chị H đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]*Về nội dung vụ án*:

[2.1]Nội dung quan hệ tranh chấp: Do có mối quan hệ hàng xóm, láng giềng nên từ năm 2001 đến năm 2005 bà T đã nhiều lần cho chị H vay tiền, các lần vay đều viết giấy biên nhận và thỏa thuận về thời hạn T toán và lãi suất theo quy định của pháp luật tổng số tiền nợ gốc là 23.270.000đ. Chị H thừa nhận từ năm 2001 đến năm 2005 chị có nhiều lần vay tiền của bà T trong quá trình vay đến ngày 20/12/2015 chị H đã T toán trả cho bà T chỉ còn nợ lại số tiền 2.500.000đ hẹn đến ngày 28/12/2015 T toán hết và 5.750.000đ tiền nợ mua xóp từ năm 2005 do chưa T toán được nên chị đã viết giấy nhận nợ ghi năm 2014.

Trong quá thời hạn thu thập chứng cứ chị H đã cung cấp cho Tòa án hai giấy biên nhận viết tay tháng 12/2006 và giấy ngày 20/12/2015 có chữ ký của bà T. Tuy nhiên bà T không thừa nhận chữ ký và chữ viết “T, Trần Thị T” trong hai giấy này không phải do bà viết mà do chị H đã mạo ký tên của bà nên ngày 14/9/2017 bà T đã làm đơn đề nghị giám định chữ ký và chữ viết “T, Trần Thị T” trong hai giấy

biên nhận này. Tại kết luận giám định số 1447 ngày 25/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận chữ ký và chữ viết “T, Trần Thị T” là đúng chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị T. Như vậy có đủ cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị H còn nợ bà Trần Thị T số nợ gốc 2.500.000đ và số tiền nợ mua xộp là 5.750.000đ, tổng nợ còn lại là 8.250.000đ. Bà T yêu cầu chị H T toán số tiền còn nợ chưa T toán. Ngoài ra chị H còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất do pháp luật quy định trên số tiền chậm trả. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị T thì tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và các lời khai tiếp theo bà T không yêu cầu tính lãi. Nhưng đến ngày 08/8/2017 và tại phiên tòa ngày 21/9/2017 bà T nộp tiền đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi, đơn đề ngày 12/6/2017 với tổng số tiền lãi là 80.722.000đ. Theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thấy yêu cầu của bà T đưa ra sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu này của bà T là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[3] Về tiền chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án bà T có làm đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết nên đã nộp 4.000.000 đồng tiền tạm ứng giám định và đã chi phí hết 3.000.000 đồng. Yêu cầu của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Số tiền 1.000.000 còn thừa ngày 27/9/2017 Tòa án đã tiến hành T toán trả cho bà T xong.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải T toán trả bà Trần Thị T số tiền nợ gốc là 8.250.000đ.

- Về chi phí giám định: Bà Trần Thị T phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định (đã T toán xong).

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 412.000 đồng tiền án phí DSST

Hoàn trả bà Trần Thị T số tiền 550.000đ đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/001012 ngày 22/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương

